CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP City Auto

Ngày 30/09/2025	20,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.4%	**-6.8%**	**3.0%**

DT thuần
Q3/25
1,940
tỷ VNĐ
QoQ: ▼145| -7.0%
YoY: ▼137| -6.6%

LN thuần
Q3/25
1.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 38.9| 103%
YoY: ▼0.03| -3.0%

LN sau thuế
Q3/25
1.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.14| -11.9%
YoY: ▼1.50| -59.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
2.1%
YoY: +/-▼ 0.3%

ROE (TTM)
Q3/25
3.5%
YoY: +/-▼ 0.2%

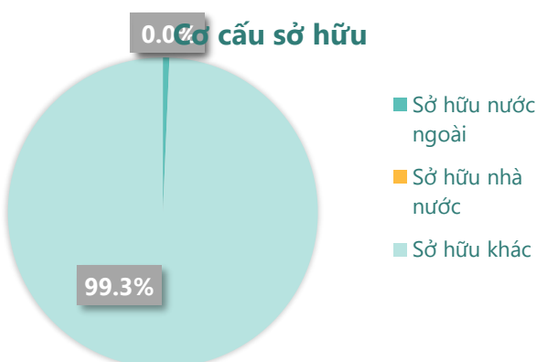
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,854 - 29,451
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,923
Số lượng CPLH (CP)	95,653,859
KLGD BQ 20 phiên (CP)	526,337
Sở hữu nước ngoài	0.7%
Beta	0.48
EPS	403
P/E	49.9

DT thuần
9T 2025
6,035
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 634| 11.8%

LN thuần
9T 2025
-53.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼47.9| -877%

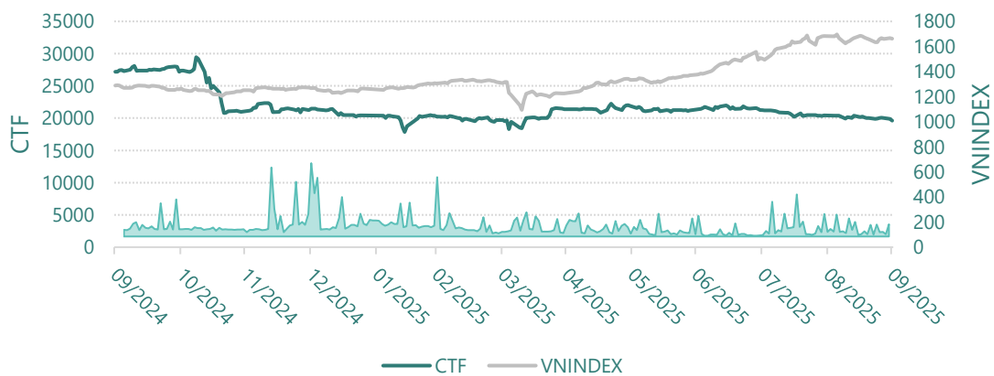
LN sau thuế
9T 2025
5.10
tỷ VNĐ
YoY: ▼6.70| -56.9%

Cơ cấu sở hữu

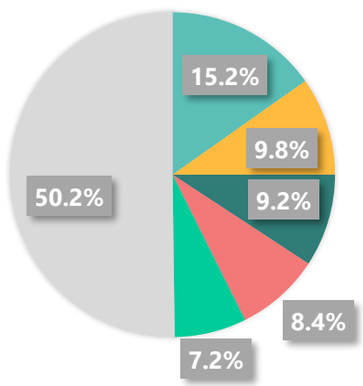


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



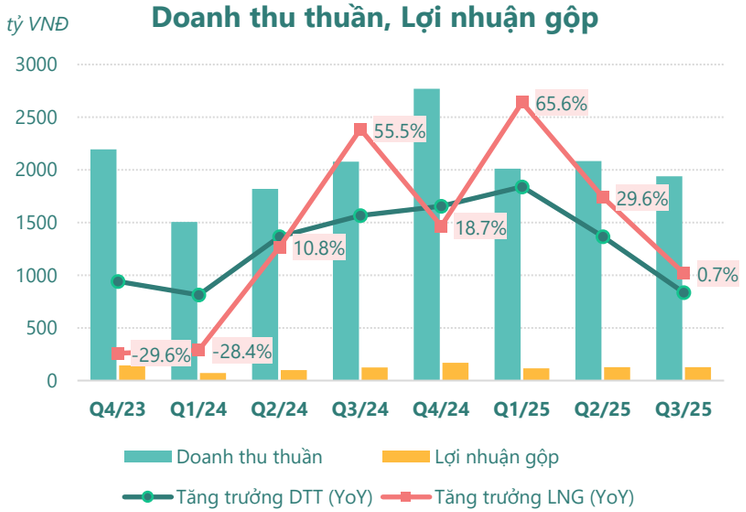
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

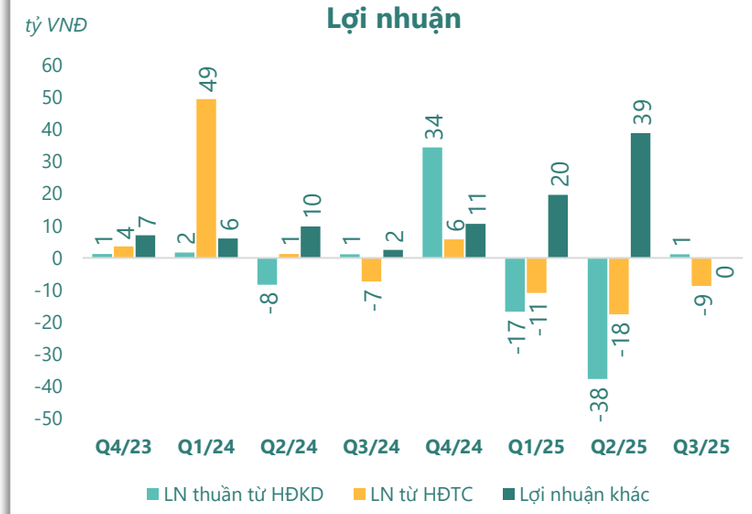
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



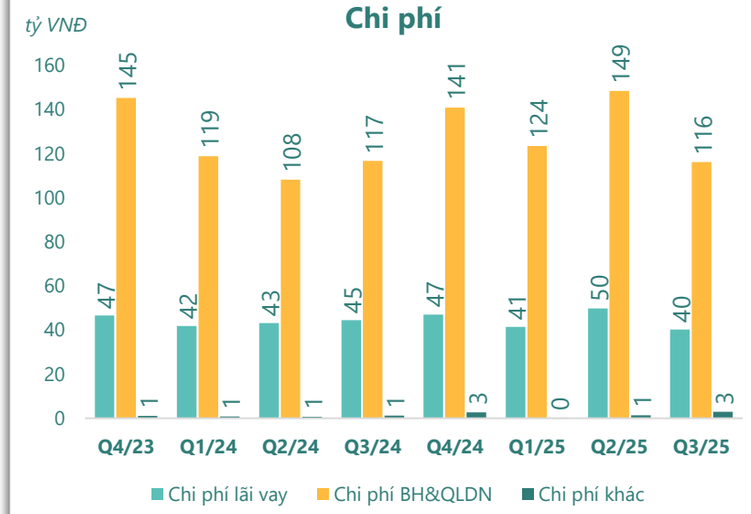
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



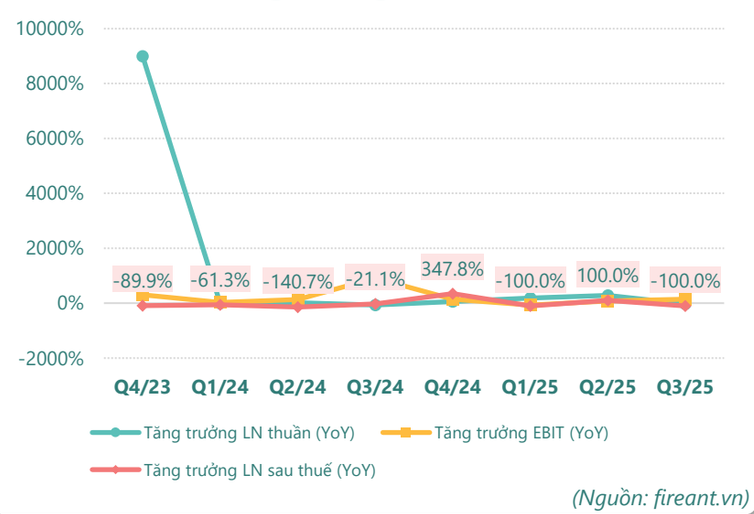
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



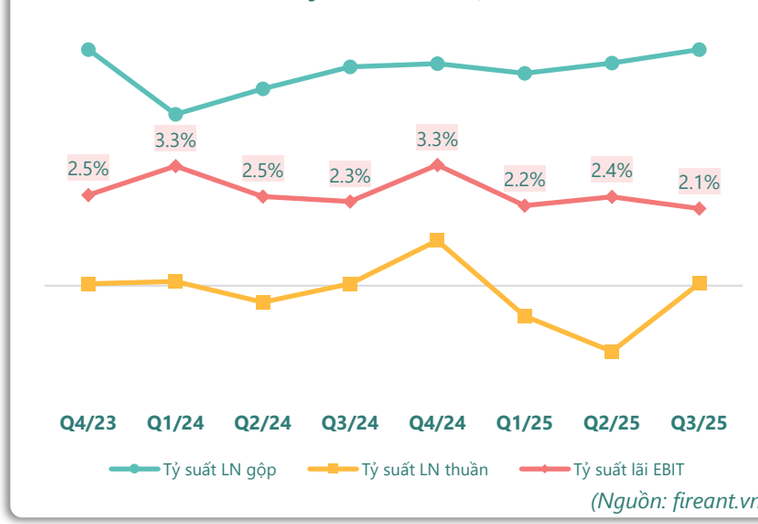
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



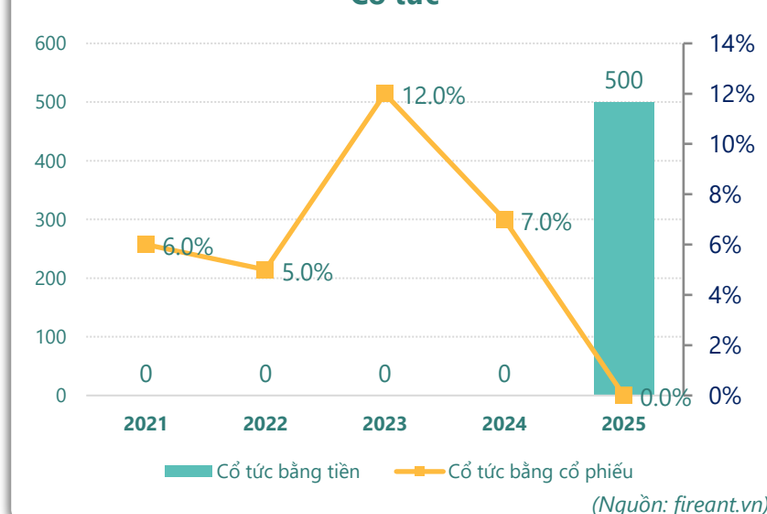
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

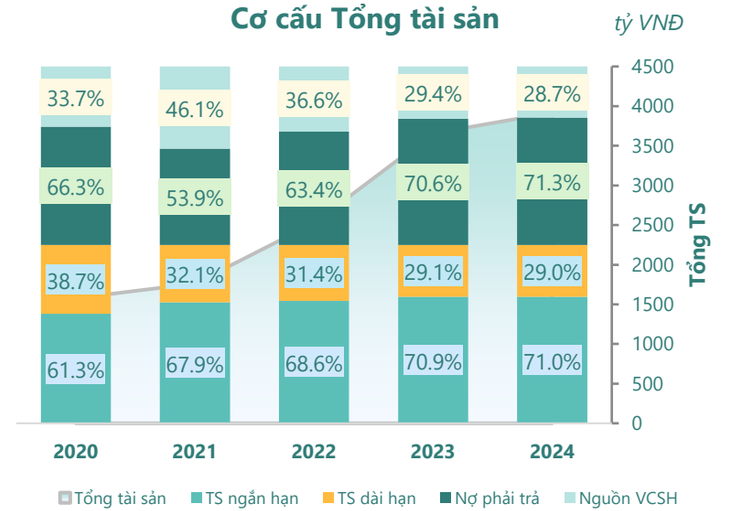
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

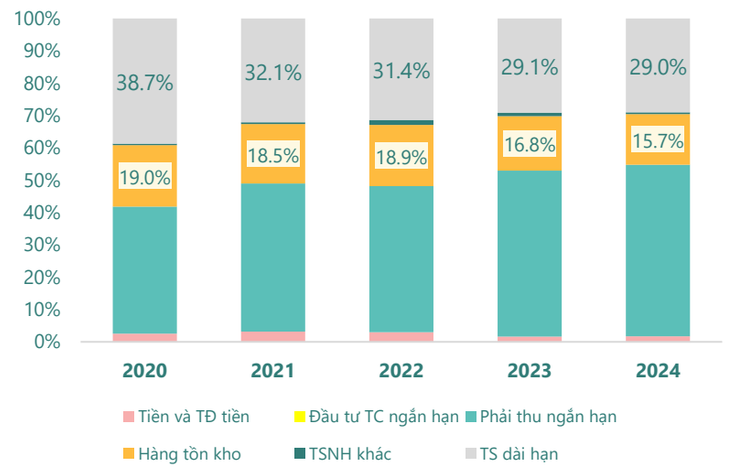
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



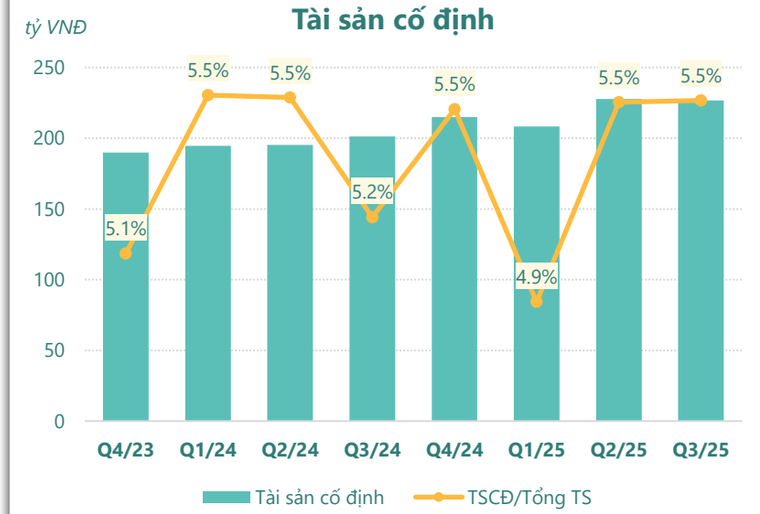
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



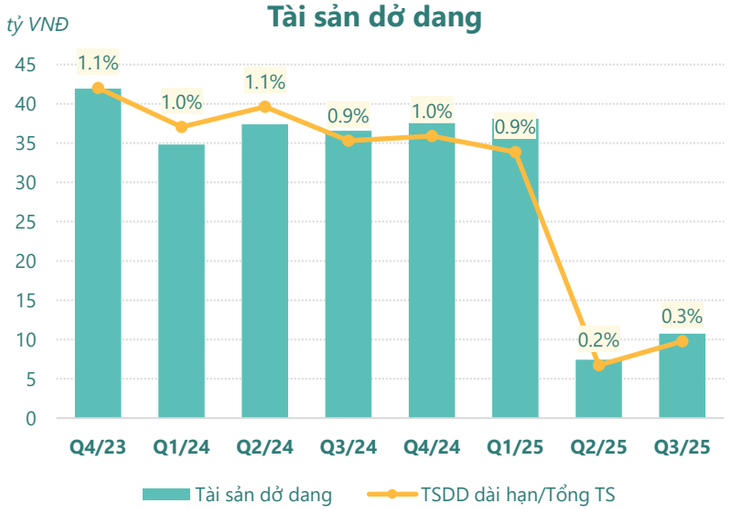
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



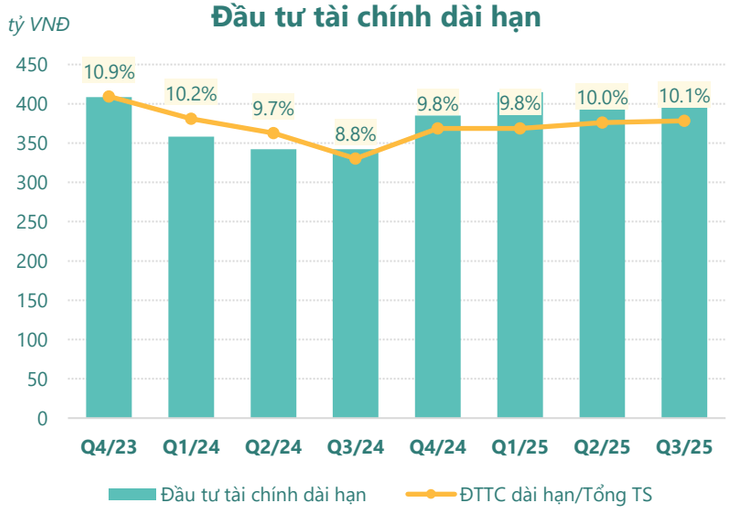
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



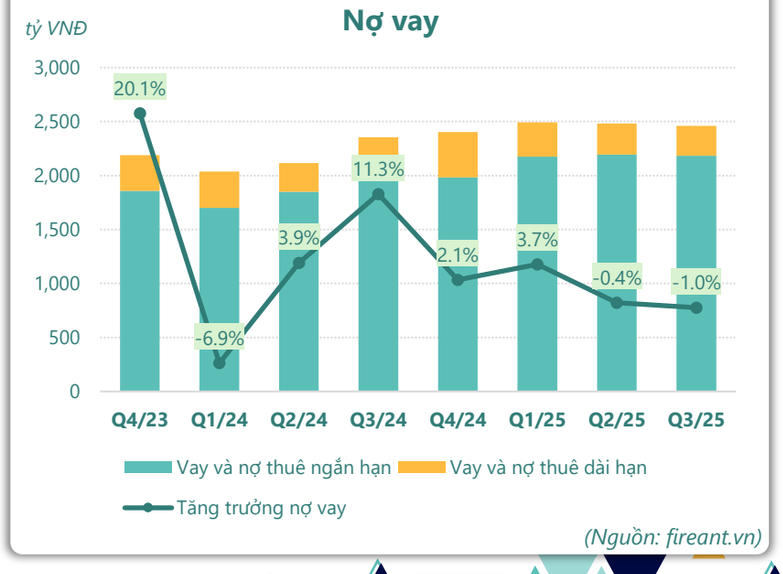
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

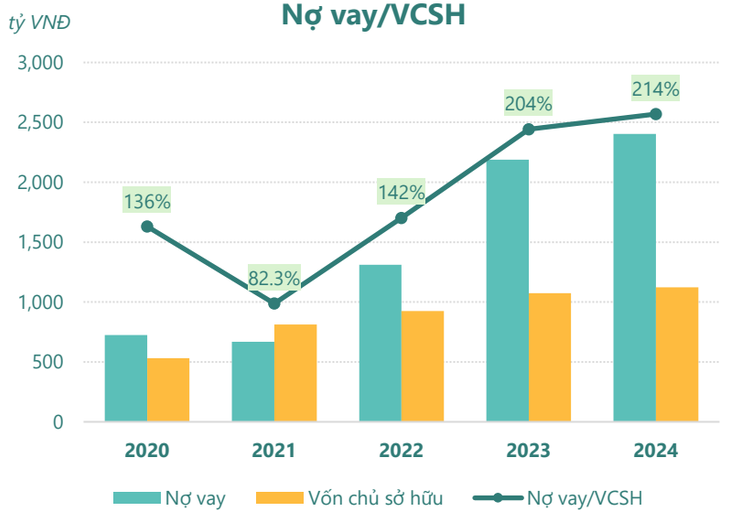
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



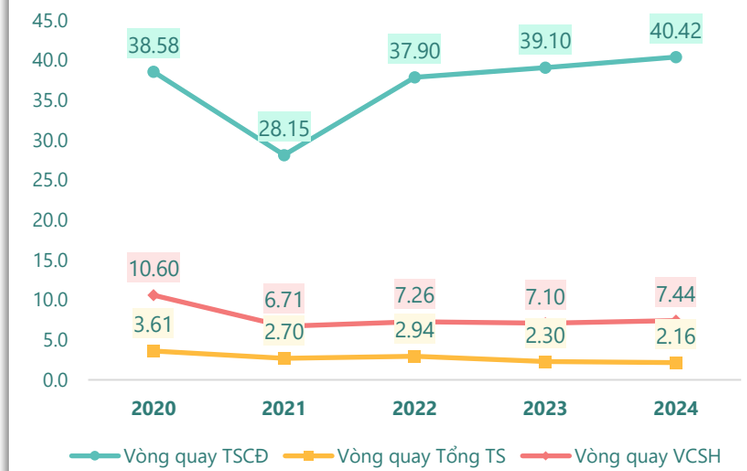
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



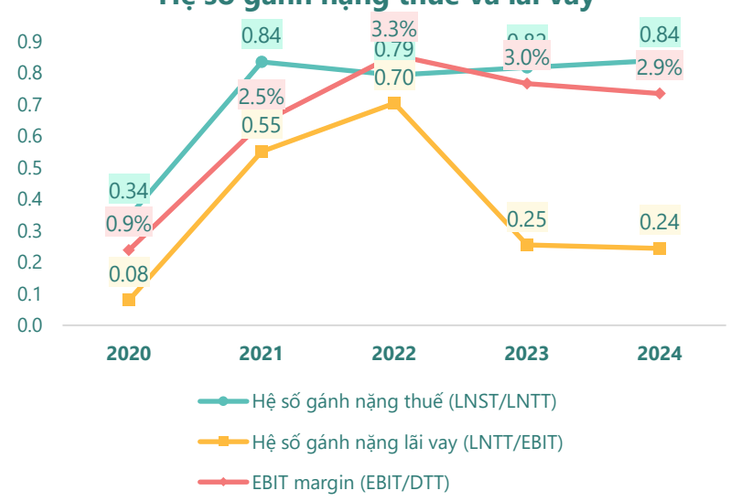
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



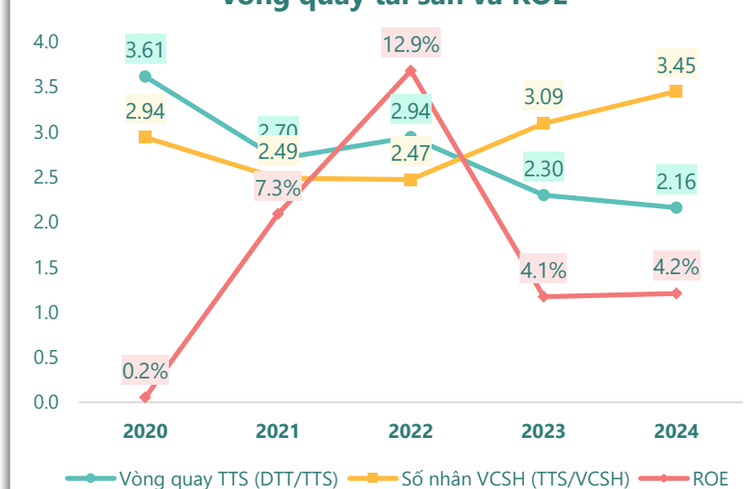
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



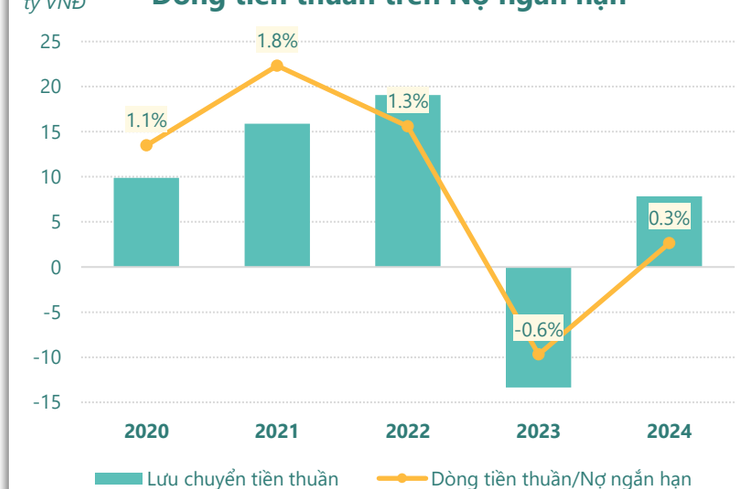
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,940**	**2,077**	**-6.6%**	**6,035**	**5,401**	**11.8%**
Giá vốn hàng bán	1,814	1,952	-7.1%	5,664	5,106	10.9%
Lợi nhuận gộp	126	125	0.9%	372	295	26.0%
Doanh thu HĐTC	37.3	37.1	0.5%	108	173	-37.7%
Chi phí TC	46.0	44.5	3.5%	145	129	11.9%
Chi phí lãi vay	40.2	44.5	-9.6%	131	129	1.5%
LN trong công ty LKLD	**-0.05**	**0.00**		**0.40**	**0**	
Chi phí bán hàng	83.3	82.3	1.2%	279	240	16.4%
Chi phí QLDN	**32.9**	**34.4**	**-4.3%**	**109**	**104**	**5.0%**
LN thuần từ HĐKD	1.11	1.14	-3.0%	-53.4	-5.47	-877%
Lợi nhuận khác	**-0.08**	**2.47**	**-103%**	**58.5**	**18.4**	**218%**
LN trước thuế	1.02	3.62	-71.8%	5.10	12.9	-60.5%
Lợi nhuận sau thuế	**1.02**	**2.52**	**-59.5%**	**5.10**	**11.8**	**-56.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.24**	**2.05**	**-88.1%**	**2.14**	**13.0**	**-83.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-116	-207	-110	-137	6.58	30.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	51.1	-24.7	73.5	0.80	49.1	13.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	74.9	243	48.6	89.8	-9.93	-23.8
Tiền đầu kỳ	34.7	45.1	56.5	69.0	23.1	68.8
Lưu chuyển tiền thuần	**10.3**	**11.4**	**12.5**	**-46.0**	**45.7**	**20.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.1	56.5	69.0	23.1	68.8	88.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,116**	**3,918**	**5.1%**
Tài sản ngắn hạn	3,031	2,781	9.0%
Tiền và tương đương tiền	88.9	69.0	28.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,006	2,077	-3.4%
Hàng tồn kho	890	614	45.0%
Tài sản ngắn hạn khác	46.5	20.8	123%
Tài sản dài hạn	**1,085**	**1,137**	**-4.6%**
Phải thu dài hạn	347	369	-5.8%
Tài sản cố định	227	215	5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.7	37.7	-71.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	415	415	0.1%
Tài sản dài hạn khác	**18.0**	**23.7**	**-24.3%**
Lợi thế thương mại	66.6	77.2	-13.7%
Nợ phải trả	2,991	2,795	7.0%
Nợ ngắn hạn	**2,699**	**2,418**	**11.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,184	2,042	7.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	285	217	31.4%
Nợ dài hạn	292	377	-22.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	276	362	-23.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,125**	**1,123**	**0.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,125**	**1,123**	**0.2%**
Vốn điều lệ	957	957	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)